

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	84.327.387.637	24.860.021.693
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	840.550.585	823.075.598
- Các khoản dự phòng	03	(50.000.000)	-
- (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1.971.312.044)	-
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(5.809.060.630)	(2.862.373.243)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	77.337.565.548	22.820.724.048
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(8.347.635.908)	(102.163.291)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(1.663.028.956)	922.459.588
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.211.994.793	(2.103.022.784)
- Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	37.292.740	(47.202.545)
- Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.661.390.549)	(1.406.994.807)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.768.321.300)	(2.832.774.600)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	62.146.476.368	17.251.025.609
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(799.133.361)	(100.412.634)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	81.818.182	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	32.400.000.000	5.000.000.000
4. Thu lãi tiền gửi và cho vay	27	4.874.254.814	2.862.373.243
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	36.556.939.635	7.761.960.609
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(24.000.000.000)	(12.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(24.000.000.000)	(12.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	74.703.416.003	13.012.986.218
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	59.883.384.366	50.343.095.520
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.971.312.044	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	136.558.112.413	63.356.081.738



Trịnh Ngọc Hiếu
Giám đốc

Ngày 03 tháng 8 năm 2011

Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Xí nghiệp Cơ khí Hà Giang được hợp nhất với Công ty Khai thác Chế biến Khoáng sản Hà Giang thành Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang theo Quyết định số 604/QĐ-UB ngày 09 tháng 8 năm 1995 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang. Theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang. Công ty Cổ phần chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1003000027 ngày 28 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 3 số 5100101762 ngày 13 tháng 5 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 60.000.000.000 đồng. Trong đó, Nhà nước góp là 29.381.400.000 đồng, chiếm 49% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 191 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 193).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, gia công các mặt hàng cơ khí;
- Xây lắp các công trình điện vừa và nhỏ có cấp điện áp đến 35kv;
- Tổ chức các dịch vụ kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Xây dựng và lắp đặt các công trình công nghiệp, giao thông và xây dựng;
- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Kinh doanh khách sạn;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống: quán rượu, bia, quầy bar;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tổ chức thăm dò và chế biến các loại khoáng sản;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Xây dựng và lắp đặt các công trình giao thông.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân)

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động của liên doanh được thực hiện bằng cách sử dụng tài sản và nguồn lực khác của các bên góp vốn liên doanh mà không thành lập một cơ sở kinh doanh mới. Mỗi bên góp vốn liên doanh tự quản lý và sử dụng tài sản của mình và chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính và các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động. Hoạt động của liên doanh có thể được nhân viên của mỗi bên góp vốn liên doanh tiến hành song song với các hoạt động khác của bên góp vốn liên doanh đó. Hợp đồng hợp tác kinh doanh thường quy định căn cứ phân chia doanh thu và khoản chi phí chung phát sinh từ hoạt động liên doanh cho các bên góp vốn liên doanh.

Mỗi bên góp vốn liên doanh phải phản ánh các hoạt động kinh doanh được đồng kiểm soát trong báo cáo tài chính của mình, gồm:

- (a) Tài sản do bên góp vốn liên doanh kiểm soát và các khoản nợ phải trả mà họ phải gánh chịu;
- (b) Chi phí phải gánh chịu và doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.

Ngày 20 tháng 10 năm 2003, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao (Vân Nam - Trung Quốc) về việc hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng tiếp tục dự án liên doanh khai thác, tuyển luyện sắt và chì kẽm tại mỏ Na Sơn - Tùng Bá thuộc huyện Vị Xuyên và huyện Bắc Mê tỉnh Hà Giang.

Theo Giấy phép đầu tư số 01/GP-HG ngày 03 tháng 11 năm 2003, thời gian thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh này là 5 năm (không kể 6 tháng làm đường và kéo điện vào khu vực mỏ), hợp đồng hợp tác kinh doanh này đã kết thúc vào ngày 03 tháng 5 năm 2009. Phía Việt Nam cam kết góp 324.900 USD, tương đương 5.048.224.341 đồng và chiếm 30% vốn liên doanh; phía Trung Quốc cam kết góp 758.100 USD, tương đương 11.775.708.336 đồng và chiếm 70% vốn liên doanh. Sau khi thực hiện các nghĩa vụ thuế với Nhà nước Việt Nam, lợi nhuận sẽ được trích Quỹ dự phòng tài chính và Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định trong hợp đồng hợp tác kinh doanh. Lợi nhuận còn lại sau khi trích quỹ sẽ được chia theo tỷ lệ vốn góp; theo đó, phía Việt Nam sẽ được hưởng 30% và phía Trung Quốc sẽ được hưởng 70%.

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao (Trung Quốc) đã hết thời hạn và hai bên đã quyết định chấm dứt hoạt động của Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân theo Biên bản làm việc ngày 04 tháng 8 năm 2009. Theo biên bản làm việc ngày 02 tháng 03 năm 2010 về việc “thanh lý toàn bộ tài sản Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân”, hai bên nhất trí Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao bán lại cho Công ty quyền lợi về tài sản của công ty này tại Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân gồm:

- Phần lợi ích của bên Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao:
 - + Giá trị thanh lý các loại tài sản được chia: Nhà xưởng, máy móc thiết bị, công cụ, dụng cụ, vật tư, hàng hóa, sản phẩm;
 - + Phần chi phí mà bên Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao ứng trước cho sản xuất tại Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân;
 - + Phần các quỹ được chia: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, phúc lợi.
- Phần nghĩa vụ của bên Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao:
 - + Các khoản chi phí phải trả được chia: phần lỗ lũy kế tại Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân mà Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao phải gánh chịu;
 - + Nợ tiền hàng của Xí nghiệp.

11250
NG
HIỆM H
LOIT
T NA
- 19

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân) (Tiếp theo)

Theo biên bản làm việc ngày 12 tháng 12 năm 2010 với Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao, hai bên nhất trí bù công nợ phải thu, phải trả và phân chia các quỹ. Theo đó, Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang còn phải thu của Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao với số tiền là 2.493.754.252 đồng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất tại đường Trần Phú, chi phí đầu tư nghiên cứu thăm dò điếm quặng antimon (bản quyền khai thác mỏ antimon), bản quyền bằng sáng chế - đề tài Chì-Kẽm.

Công ty đang áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với các tài sản cố định vô hình, thời gian sử dụng ước tính của các tài sản này là 05 năm. Riêng tài sản cố định là quyền sử dụng đất sẽ được khấu hao theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không thời hạn sẽ không được khấu hao.

Theo Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2009 của UBND tỉnh Hà Giang, Công ty sẽ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 130.940,7 m² đất tại xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh để khai thác quặng antimon với thời hạn sử dụng đất là 30 năm kể từ ngày 27 tháng 12 năm 1996. Giá trị đề có quyền sử dụng đất được đánh giá là không đáng kể.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm khoản tiền góp vốn vào Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tổng vốn điều lệ của Quỹ là 30 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 500 triệu đồng, chiếm 1,7% vốn điều lệ.

Vốn quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

TRÁI
C
V